

THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CÁC TRANH CHẤP KINH DOANH THEO BỘ LUẬT TỔ TỤNG DÂN SỰ VÀ CÁC VẤN ĐỀ ĐẶT RA TRONG THỰC TIỄN THI HÀNH

*Phan Chí Hiếu**

Bộ luật Tố tụng Dân sự (BLTTDS) ra đời đã đánh dấu bước phát triển mới của pháp luật tố tụng Việt Nam. Từ ngày 01/01/2005, BLTTDS sẽ có hiệu lực để thay thế cho các Pháp lệnh Thủ tục giải quyết các vụ án dân sự, kinh tế và tranh chấp lao động. So với các văn bản đó thì BLTTDS chứa đựng nhiều quy định mới về thủ tục giải quyết các vụ việc dân sự, kinh tế, lao động. Các quy định này có khả năng tháo gỡ nhiều khó khăn Tòa án gặp phải trong thời gian qua nhưng đồng thời cũng đặt ra một số vướng mắc mới trong thực tiễn áp dụng. Bài viết giới thiệu một số quy định mới của BLTTDS về thẩm quyền giải quyết các tranh chấp kinh doanh của Tòa án, dự báo trước những vướng mắc có thể nảy sinh trong thực tiễn áp dụng, từ đó đề xuất các giải pháp khắc phục.

1. Về thẩm quyền theo vụ việc

Thẩm quyền theo vụ việc là phạm vi các tranh chấp phát sinh từ hoạt động kinh doanh được pháp luật xác định thuộc quyền hạn giải quyết của hệ thống Tòa án nhân dân. Theo Điều 29 BLTTDS Tòa án có thẩm quyền giải quyết các tranh chấp kinh doanh sau: (1) Tranh chấp trong hoạt động kinh doanh, thương mại giữa cá nhân, tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận; (2) Tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ giữa cá nhân, tổ chức với nhau và đều có mục đích lợi nhuận; (3) Tranh chấp giữa công ty với các thành viên của công ty, giữa các thành

viên của công ty với nhau liên quan đến việc thành lập, hoạt động, giải thể, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, chuyển đổi hình thức tổ chức của công ty và (4) Các tranh chấp khác về kinh doanh, thương mại mà pháp luật có quy định.

***Đối với tranh chấp trong hoạt động kinh doanh, thương mại:** Các tranh chấp được coi là tranh chấp trong hoạt động kinh doanh, thương mại phải hội đủ ba điều kiện: (i) phát sinh trong hoạt động kinh doanh, bao gồm: mua bán hàng hoá; cung ứng dịch vụ; phân phối; đại diện, đại lý; ký gửi; thuê, cho thuê, thuê mua; xây dựng; tư vấn, kỹ thuật; vận chuyển; mua bán cổ phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác; đầu tư tài chính, ngân hàng; bảo hiểm; thăm dò, khai thác; (ii) các bên tranh chấp phải có đăng ký kinh doanh và (iii) các bên tham gia quan hệ đều có mục đích lợi nhuận. Thực tiễn áp dụng quy định này có thể phát sinh các vấn đề sau:

Thứ nhất: Các tranh chấp trong hoạt động kinh doanh, thương mại rất đa dạng. Bên cạnh tranh chấp hợp đồng còn có thể có các tranh chấp liên quan đến độc quyền, bán phá giá, tung tin thất thiệt hạ uy tín của đối thủ cạnh tranh, cản trở quyền tự do kinh doanh của người khác, tranh chấp về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng... Các tranh chấp này có được coi là tranh chấp về kinh doanh, thương mại và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án hay không?

*TS Luật học, Khoa Đào tạo Thẩm phán, Học viện Tư pháp

Thứ hai: BLTTDS sử dụng phương pháp liệt kê để xác định các hoạt động được coi là hoạt động kinh doanh, thương mại và đã không liệt kê hết các hoạt động kinh doanh trong thực tế. Như vậy, các tranh chấp phát sinh từ những lĩnh vực khác, ngoài 14 lĩnh vực được liệt kê tại khoản 1 Điều 29 BLTTDS (ví dụ, tranh chấp hợp đồng uỷ thác, giám định, đấu thầu, đấu giá...) có được coi là tranh chấp kinh doanh, thương mại hay không?

Thứ ba: Các tranh chấp phát sinh từ quan hệ hợp đồng kinh tế, trong đó một bên không có đăng ký kinh doanh hoặc không nhằm mục đích lợi nhuận có thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án hay không; nếu có thì đây là tranh chấp kinh doanh hay dân sự? Ví dụ, một pháp nhân hành chính ký hợp đồng bằng văn bản với một công ty xây dựng để xây dựng trụ sở cho mình. Theo Pháp lệnh Hợp đồng kinh tế năm 1989 thì hợp đồng này được coi là hợp đồng kinh tế và theo khoản 1 Điều 12 Pháp lệnh Thủ tục giải quyết các vụ án kinh tế (sau đây gọi tắt là PL) thì tranh chấp phát sinh được giải quyết theo tố tụng kinh tế. Nhưng theo khoản 1 Điều 29 BLTTDS thì đây không phải là tranh chấp phát sinh từ hoạt động kinh doanh, thương mại vì pháp nhân hành chính này không có đăng ký kinh doanh. Mặt khác, cũng khó có thể coi đây là tranh chấp về dân sự vì khoản 3 Điều 25 BLTTDS quy định tranh chấp dân sự là các tranh chấp về *hợp đồng dân sự*, trong khi theo quy định của pháp luật hiện hành thì hợp đồng xây dựng nói trên là *hợp đồng kinh tế*.

Thứ tư: Việc xác định mục đích của các bên khi tham gia quan hệ là lợi nhuận hay sinh hoạt, tiêu dùng hoàn toàn không đơn giản. Một doanh nghiệp dùng danh nghĩa và chi phí của mình ký kết, thực hiện hợp đồng nhằm phục vụ các nhu cầu của tập thể cán bộ công nhân viên trong doanh nghiệp (ví dụ, hợp đồng với công ty du lịch đưa công nhân

đi nghỉ mát; hợp đồng với công ty thương mại mua sắm thiết bị để nâng cao đời sống tinh thần cho công nhân) có được coi là có *mục đích lợi nhuận* hay không? Hay một cá nhân có đăng ký kinh doanh ký hợp đồng sử dụng dịch vụ điện thoại di động vừa để giao dịch với khách hàng vừa để liên hệ với người thân thì mục đích là gì, lợi nhuận hay tiêu dùng; nếu có tranh chấp thì đây là tranh chấp kinh doanh hay tranh chấp dân sự?

**Đối với tranh chấp công ty:* Mặc dù đã cố gắng liệt kê bổ sung một số tranh chấp công ty nhưng về cơ bản, BLTTDS vẫn duy trì cách làm cũ của PL khi đưa ra 2 điều kiện để xác định tranh chấp công ty, đó là: (i) các bên tranh chấp phải là công ty hoặc thành viên công ty; và (ii) tranh chấp phát sinh từ việc thành lập, hoạt động, giải thể, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, chuyển đổi hình thức tổ chức của công ty. Do quy định như vậy mà nhiều tranh chấp, tuy liên quan trực tiếp đến việc thành lập, hoạt động và giải thể công ty nhưng có thể không được coi là tranh chấp công ty. Ví dụ, tranh chấp giữa công ty với những người quản lý công ty (không phải là thành viên công ty); tranh chấp phát sinh trong giai đoạn tiền lập công ty hay trong quá trình thực hiện việc cổ phần hoá công ty nhà nước (khi tư cách công ty và thành viên công ty chưa được xác lập); tranh chấp liên quan đến thanh lý tài sản khi công ty giải thể (khi tư cách công ty và thành viên công ty đã chấm dứt)...

**Đối với tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ:* So với PL thì BLTTDS đã mở rộng phạm vi tranh chấp về kinh doanh, thương mại sang cả các tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ giữa cá nhân, tổ chức với nhau, nếu các bên tham gia quan hệ đều có mục đích lợi nhuận. Việc mở rộng thẩm quyền giải quyết các tranh chấp kinh doanh là cần thiết, nhưng việc xác định mục đích lợi

nhận lại hết sức phức tạp và hay nhầm lẫn như đã trình bày phân trên.

2. Thẩm quyền theo cấp xét xử của Tòa án

Các tranh chấp về kinh doanh, thương mại có thể được xét xử sơ thẩm ở Tòa án cấp huyện hoặc Tòa án cấp tỉnh. Theo Điều 29 BLTTDS thì Tòa án cấp huyện có thẩm quyền giải quyết các tranh chấp phát sinh từ hoạt động mua bán hàng hoá; cung ứng dịch vụ; phân phối; đại diện, đại lý; ký gửi; thuê, cho thuê, thuê mua; xây dựng; tư vấn, kỹ thuật; vận chuyển bằng đường sắt, đường bộ, đường thuỷ nội địa, trừ trường hợp có đương sự hoặc tài sản ở nước ngoài hoặc cần phải uỷ thác tư pháp cho cơ quan lãnh sự quán của Việt Nam hoặc cho Tòa án nước ngoài. Tòa án cấp tỉnh có thẩm quyền giải quyết tất cả các tranh chấp kinh doanh còn lại, đó là các tranh chấp liên quan đến hoạt động vận chuyển bằng đường hàng không, đường biển; mua bán cổ phiếu, trái phiếu và giấy tờ có giá khác; đầu tư, tài chính, ngân hàng; bảo hiểm; thăm dò, khai thác; tranh chấp công ty; tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ. Ngoài ra, Tòa án cấp tỉnh có thể lấy các vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án cấp huyện lên để giải quyết trong những trường hợp cần thiết (Điều 34 BLTTDS).

Quy định này có thể dẫn tới tình trạng một số tranh chấp phức tạp (ví dụ, tranh chấp hợp đồng thuê mua tài sản, hợp đồng phân phối, hợp đồng bán hàng đa cấp...) lại thuộc thẩm quyền của Tòa án cấp huyện, trong khi đó một số tranh chấp khác, đơn giản hơn, lại thuộc thẩm quyền của Tòa án cấp tỉnh (ví dụ, tranh chấp hợp đồng tín dụng, hợp đồng mua bán cổ phiếu trên thị trường chứng khoán thứ cấp). Đó là chưa nói đến các tranh chấp phát sinh từ những quan hệ được cấu thành bởi nhiều hành vi kinh doanh khác nhau thì giải quyết ở Tòa án cấp nào? Ví dụ, tranh chấp phát sinh từ hợp đồng mua bán hàng hoá với

sự tham gia của người vận chuyển, bảo hiểm, ngân hàng hay tranh chấp phát sinh từ hợp đồng vận chuyển đa phương thức từ đường bộ, đường thuỷ nội địa đến đường biển, đường hàng không...

Mặt khác, nhu cầu uỷ thác tư pháp cho cơ quan lãnh sự quán của Việt Nam hoặc cho Tòa án nước ngoài thường chỉ rõ sau khi Tòa án đã thụ lý vụ án. Trong khi đó, để thụ lý vụ án, Tòa án nhận đơn khởi kiện đã phải xác định chính xác Tòa án cấp xét xử nào có thẩm quyền giải quyết vụ án. Tất nhiên, thẩm phán cấp huyện được phân công giải quyết vụ án có thể chọn giải pháp chuyển vụ án cho Tòa án cấp tỉnh nếu phát hiện cần phải uỷ thác tư pháp. Nhưng việc chuyển vụ án như vậy sẽ làm chậm quá trình giải quyết tranh chấp kinh doanh, thương mại.

3. Về thẩm quyền theo lãnh thổ

Khác với PL, BLTTDS chính thức ghi nhận quyền thoả thuận của các đương sự để lựa chọn Tòa án nơi cư trú, làm việc của nguyên đơn giải quyết vụ việc (điểm b khoản 1 Điều 35 BLTTDS). Đây là quy định mới và khá tiến bộ. Nhưng về thẩm quyền giải quyết tranh chấp liên quan đến bất động sản thì BLTTDS lại quy định khá mơ hồ: *"Tòa án nơi có bất động sản có thẩm quyền giải quyết những tranh chấp về bất động sản"* (điểm c khoản 1 Điều 35). Quy định này có được hiểu giống như quy định tại Điều 14 PL *"... trong trường hợp vụ án chỉ liên quan đến bất động sản, thì tòa án nơi có bất động sản giải quyết"* hay không? Tòa án nhân dân tối cao cần hướng dẫn cụ thể để có thể áp dụng thống nhất trong thực tế.

4. Về thẩm quyền theo sự lựa chọn của nguyên đơn

Để tạo thuận lợi cho nguyên đơn thực hiện quyền khởi kiện của mình, cả PL và BLTTDS đều quy định trong một số trường hợp, nguyên đơn được quyền lựa chọn Tòa án để yêu cầu giải quyết tranh chấp kinh doanh. Loại thẩm quyền này được quy định

tại Điều 36 BLTTDS. Khi áp dụng điều luật này cần lưu ý một số vấn đề sau đây:

Thứ nhất: So với PL thì BLTTDS bổ sung thêm một căn cứ để nguyên đơn lựa chọn Tòa án có thẩm quyền giải quyết tranh chấp kinh doanh là: Nếu bị đơn không có nơi cư trú, làm việc, trụ sở ở Việt Nam thì nguyên đơn có thể yêu cầu Tòa án nơi mình cư trú, làm việc giải quyết (điểm c khoản 1 Điều 36 BLTTDS). Quy định này tạo điều kiện cho các doanh nghiệp Việt Nam dễ dàng thực hiện được quyền khởi kiện đối với các tổ chức, cá nhân nước ngoài nhưng nhiều trường hợp sẽ mâu thuẫn với các nguyên tắc xác định thẩm quyền tài phán trong tư pháp quốc tế. Ví dụ, một công ty Việt Nam ký hợp đồng với một công ty của Liên bang Nga. Hợp đồng được ký kết và thực hiện trên lãnh thổ Liên bang Nga. Khi tranh chấp phát sinh, công ty Việt Nam kiện công ty Nga tại Tòa án Việt Nam. Nếu theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 36 BLTTDS thì Tòa án Việt Nam có thẩm quyền giải quyết. Nhưng liệu phán quyết của Tòa án Việt Nam có được Tòa án Liên bang Nga công nhận hay không?

Thứ hai: Quy định của BLTTDS không bao quát hết những trường hợp các bên được thoả thuận lựa chọn Tòa án giải quyết tranh chấp. Thực tiễn kinh doanh thường gặp tình huống: khi ký hợp đồng các bên thoả thuận lựa chọn Tòa án thích hợp để giải quyết tranh chấp (ví dụ, Tòa án nơi thực hiện hợp đồng, nơi một bên có chi nhánh hoặc nơi có tài sản) nhưng khi tranh chấp xảy ra, bên khởi kiện lại nộp đơn yêu cầu Tòa án của địa phương khác giải quyết. Như vậy, thoả thuận lựa chọn Tòa án có giá trị bắt buộc đối với các bên hay không?

5. Một số kiến nghị

BLTTDS có nhiều quy định mới về thẩm quyền giải quyết các tranh chấp kinh doanh của Tòa án. Để áp dụng thống nhất và hiệu

quả các quy định này, chúng tôi xin đề xuất một số giải pháp khắc phục như sau:

Một là: Cần nhận thức rõ ý nghĩa thực tiễn của việc phân biệt tranh chấp về kinh doanh, thương mại với tranh chấp về dân sự. Trong bối cảnh BLTTDS quy định một thủ tục tố tụng chung để giải quyết các vụ án dân sự, kinh tế, lao động thì việc xác định vụ án phát sinh từ tranh chấp về kinh doanh hay dân sự chỉ nhằm mục đích điều phối công việc giữa các Tòa chuyên trách hoặc giữa các Thẩm phán chuyên trách mà thôi. Việc xác định tranh chấp là dân sự hay kinh doanh phải thuộc quyền chủ động của Tòa án. Bởi vậy, các sai sót trong việc xác định vụ án là kinh tế hay dân sự, lao động không được coi là căn cứ để kháng cáo, kháng nghị và không phải là căn cứ để sửa án hoặc huỷ án ở các thủ tục phúc thẩm, giám đốc thẩm hay tái thẩm như cách làm hiện nay.

Hai là: Cần quan niệm tranh chấp kinh doanh là dạng đặc biệt của tranh chấp dân sự và sử dụng phương pháp loại trừ để phân định tranh chấp kinh doanh với tranh chấp dân sự. Theo phương pháp này thì một tranh chấp, nếu không được coi là tranh chấp kinh doanh thì sẽ là tranh chấp dân sự. Cách làm này sẽ loại bỏ được những vướng mắc khi phải xác định thẩm quyền giải quyết các tranh chấp nằm ngoài các nhóm tranh chấp về dân sự quy định tại Điều 25 và tranh chấp về kinh doanh, thương mại quy định tại Điều 29 BLTTDS.

Ba là: Cần xây dựng hệ tiêu chí cụ thể để xác định thế nào là *hoạt động kinh doanh* và *mục đích lợi nhuận*. Hoạt động kinh doanh và mục đích lợi nhuận phải được hiểu theo nghĩa rộng để tránh tình trạng bỏ sót các tranh chấp được coi là tranh chấp về kinh doanh, thương mại. Muốn vậy, văn bản hướng dẫn thi hành BLTTDS cần giải thích về hoạt động kinh doanh và mục đích lợi nhuận một cách khái quát đồng thời đưa ra các dấu hiệu cụ thể để nhận biết chúng. Giữa

hoạt động kinh doanh và mục đích lợi nhuận có quan hệ hữu cơ với nhau. Để nhận biết hoạt động kinh doanh có thể áp dụng các dấu hiệu sau: (i) hoạt động kinh doanh bao gồm mọi hoạt động từ đầu tư, sản xuất, mua bán hay cung ứng dịch vụ; (ii) do các chủ thể kinh doanh (những tổ chức, cá nhân có đăng ký kinh doanh) tiến hành; (iii) được tiến hành với mục đích lợi nhuận.

Cần suy đoán mọi hành vi do chủ thể kinh doanh thực hiện để phục vụ một cách trực tiếp hoặc gián tiếp cho hoạt động kinh doanh của mình là có mục đích lợi nhuận. Trường hợp khó nhận diện mục đích lợi nhuận thì cần kết hợp với dấu hiệu chủ thể để suy đoán mục đích. Nếu hợp đồng được ký với danh nghĩa chủ thể kinh doanh thì phải được suy đoán là có mục đích lợi nhuận. Ví dụ, ông Nguyễn Văn A được cơ quan đăng ký kinh doanh cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh với tư cách cá nhân có đăng ký kinh doanh. Nếu trong văn bản hợp đồng ghi rõ: Nguyễn Văn A, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số... thì phải suy đoán là ông A có mục đích lợi nhuận khi tham gia quan hệ hợp đồng này.

Bốn là: Cần quan niệm mọi tranh chấp phát sinh từ việc thành lập, tổ chức quản lý và tổ chức hoạt động của doanh nghiệp nói chung và công ty nói riêng là tranh chấp về kinh doanh, thương mại mà không bắt buộc các bên tranh chấp phải là thành viên công ty hoặc công ty. Ví dụ, tranh chấp trong giai đoạn tiền lập công ty; tranh chấp phát sinh trong quá trình chuyển nhượng vốn của thành viên công ty cho người ngoài; tranh chấp giữa các xã viên hợp tác xã với nhau hoặc giữa xã viên với hợp tác xã... phải được coi là tranh chấp kinh doanh. Để phù hợp với các quy định của BLTTDS, Tòa án nhân dân tối cao có thể hướng dẫn các tranh chấp nói trên là các tranh chấp khác về kinh doanh,

thương mại như quy định mang tính dự phòng tại khoản 4 Điều 29 BLTTDS.

Năm là: Cần quy định hệ tiêu chí cụ thể, minh bạch để xác định tính chất phức tạp của tranh chấp phát sinh từ hoạt động kinh doanh, thương mại và nhu cầu phải uỷ thác tư pháp cho cơ quan Lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài hoặc cho Tòa án nước ngoài nhằm phân định chính xác thẩm quyền của Tòa án cấp huyện với Tòa án cấp tỉnh, qua đó hạn chế tình trạng chuyển vụ án từ Tòa án cấp này đến Tòa án cấp khác một cách tùy tiện.

Sáu là: Cần mở rộng quyền thoả thuận lựa chọn Tòa án giải quyết tranh chấp, theo đó, các bên tranh chấp có thể thống nhất lựa chọn Tòa án nơi thực hiện hợp đồng, nơi một bên có chi nhánh hoặc nơi có tài sản đang tranh chấp giải quyết vụ án và khi tranh chấp phát sinh thì nguyên đơn chỉ có thể khởi kiện đến Tòa án theo thoả thuận mà thôi.

Bảy là: Điểm (c) khoản 1 Điều 35 BLTTDS cần được hướng dẫn cụ thể hơn theo hướng: nếu vụ án chỉ liên quan đến bất động sản thì chỉ Tòa án nơi có bất động sản mới có thẩm quyền giải quyết, đồng thời xây dựng các tiêu chí để xác định thế nào là vụ án chỉ liên quan đến bất động sản.

Tóm lại, BLTTDS ra đời sẽ tạo tiền đề pháp lý cho hoạt động giải quyết các vụ việc dân sự, kinh tế, lao động của Tòa án. Bên cạnh nhiều quy định mới, tiến bộ về thẩm quyền giải quyết các vụ việc về kinh doanh, thương mại, BLTTDS còn có một số quy định chưa rõ ràng hoặc chưa thực sự phù hợp với thực tiễn kinh doanh, vốn dĩ hết sức phong phú và không ngừng biến động. Sẽ là quá sớm nếu bàn đến việc sửa đổi, bổ sung các quy định này nhưng sẽ là muộn nếu không có ngay những hướng dẫn cụ thể, hợp lý để thi hành chúng một cách hiệu quả và thống nhất trong thực tiễn.